

Bản án số: 100/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 27/9/2022

“V/v Tranh chấp ly hôn và con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trương Ngọc Nhân

Ông: Đinh Minh Tăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2022/TLST - HNGĐ ngày 11/7/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H Th N, sinh năm 1996

Trú tại: Bản K-A, xã D H, huyện M H, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh H X, sinh năm 1974

Nơi ĐKNKTT: Bản K-Đ, xã D H, huyện M H, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/7/2022 và biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2022 của nguyên đơn H Th N trình bày giữa chị và anh H X đã đăng ký kết hôn ngày 22/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã D H, huyện M H, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở

hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh X.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 01 người con chung là cháu H Th L L, sinh ngày 09/10/2017. Sau khi ly hôn do đi làm ăn xa nên nguyện vọng của chị N là giao con cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung: Không có.

Khoản vay chung: Không có

Tại bản tự khai ngày 29/7/2022 của anh H X trình bày: Quá trình tìm hiểu để đi đến kết hôn anh nhất trí như ý kiến trình bày của chị N. Anh đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 01 người con chung là cháu H Th L L, sinh ngày 09/10/2017. Sau khi ly hôn anh X có nguyện vọng được nuôi dưỡng con và yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung: Không có.

Khoản vay chung: Không có

Ngày 14/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với chị N và anh X. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh X vẫn vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa vì vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh X vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

Ngày 11/8/2022 chị N viết đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do đi làm ăn xa đi lại khó khăn không tham gia phiên tòa và yêu cầu hội đồng xét xử giải quyết các nội dung theo đơn xin xét xử vắng mặt của chị. Xét thấy đơn xin xét xử vắng mặt của chị N là hợp lệ và tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin xét xử vắng mặt của chị N.

Căn cứ Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H Th N và anh H X đã đăng ký kết hôn ngày 22/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã D H, huyện M H hoàn toàn tự nguyện, bước đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không dàn xếp được, tình cảm vợ chồng đến mức trầm trọng. Xét thấy nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng vì đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận việc tự nguyện thỏa thuận ly hôn của chị N và anh Xuân. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình để công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị H Th N và anh H X là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét thấy hiện nay cháu L đang ở với anh X, chị N đang đi làm ăn, chị N có nguyện vọng giao con cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường của cháu nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cho anh H X được nuôi dưỡng cháu H Th L L, sinh ngày 09/10/2017, chị H Th N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H Th L L tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

[5] Khoản vay chung: Không có nên không xem xét

[6] Án phí: Chị H Th N có hoàn cảnh khó khăn thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị H Th N và anh H X.

2. Về con chung: Xử giao cho anh H X được nuôi dưỡng cháu H Th L L, sinh ngày 09/10/2017, chị H Th N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H Th L L tròn 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 10/2022.

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị H Th N có hoàn cảnh khó khăn thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã D H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Quốc Hoàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1. Trương Ngọc Nhân

2. Lê Minh Toàn